

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 07/7/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/TLST-HNGĐ, ngày 30/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST-DS ngày 20/6/2022, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị L**, sin năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 03, tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

*** Bị đơn:** Anh **Hà Văn C**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 03, tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lê Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hà Văn C đăng ký kết hôn ngày 18/01/2015 tại UBND xã L, thị xã Tuyên Quang (nay là UBND phường L, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống chị L và anh C đều là lao động tự do, vợ chồng không có tiếng nói chung về mọi lĩnh vực, cuộc sống gia đình căng thẳng do luôn bất đồng quan điểm. Xác định tình cảm vợ

chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Hà Văn C có một con chung là Hà Thu T, sinh ngày 1/7/2005. Đề nghị Tòa án giải giao con chung là Hà Thu T cho anh Hà Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn, chị Lê Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị L tự xác nhận, chị và Hà Văn C không có tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về vay nợ: Chị Lê Thị L tự xác nhận, chị và Hà Văn C không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc giao người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn (chị L yêu cầu Tòa án giao con chung là Hà Thu T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L).

Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Hà Văn C không đến tham gia tố tụng theo thời gian triệu tập của Tòa án. Ngày 20/6/2022, anh C đến phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa vì anh C có việc gia đình không thể tham gia phiên tòa được. HĐXX chấp nhận đề nghị của anh Hà Văn C, quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào 14 giờ ngày 07/7/2022, anh C đã được tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập phiên tòa tuy nhiên anh C không đến tham gia phiên tòa, không có lý do.

Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ giữa chị Lê Thị L và anh Hà Văn C tại nơi cư trú, kết quả xác minh như sau:

- Đại diện tổ dân phố 3, phường T, thành phố T xác nhận: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983 và anh Hà Văn C, sinh năm 1977, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị L và anh C có đăng ký kết hôn và sinh sống tại tổ dân phố 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, cả hai vợ chồng đều không có việc làm ổn định, chị L đi bán hàng thuê, anh C là thợ lắp đặt điện nước tự do, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và cãi nhau nhưng không đến mức to tiếng, sống chung một nhà nhưng ăn riêng, chị L thường xuyên đi làm ăn xa, thi thoảng mới về, anh C cũng thường xuyên vắng nhà, nhiều lần Tòa án gửi văn bản cho anh C hàng xóm nhận hộ đưa cho anh C thì anh C bảo “tôi không đến Tòa án làm gì, Tòa cứ giải quyết vắng mặt”; Anh C và chị L có một con chung là Hà Thu T, hiện đang ở cùng nhà anh chị; Về tài sản, tổ dân phố nghe nói nhà anh chị ở là nhà của bố mẹ đẻ anh C, về các tài sản khác và việc vay nợ của anh chị tổ dân phố không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung, cháu Hà Thu T trình: Bố mẹ cháu hiện đã ly thân từ lâu, không nói chuyện với nhau nữa, nếu bố mẹ ly hôn cháu Trang có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Lê Thị L và anh Hà Văn C, quan ông Hà Văn T, trú tại tổ 10, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (em trai anh Hà Văn C), cho thấy: Vợ chồng chị L anh C có mâu thuẫn khoảng 4 năm

chờ lại đây, vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình chung sống anh chị có một con gái chung là Hà Thu T, hiện vẫn ở cùng nhà anh chị. Về tài sản chung, chị L và anh C không có nhà và đất chung, chỉ có xe máy và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Ông Thịnh cũng không nghe thấy dư luận gì về việc vay nợ của chị L và anh C.

- Tòa án nhiều lần đến nhà anh C để xác minh với gia đình về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L và anh C, tuy nhiên nhà anh C và chị L ở thường xuyên đóng cửa và không có ai ở nhà.

Tại phiên tòa:

Chị Lê Thị L và anh Hà Văn C đều vắng mặt, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh C và giao con chung là Hà Thu T cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho Lê Thị L được ly hôn anh Hà Văn C, giao con chung là Hà Thu T cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn. Anh Hà Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản hòa giải tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt.

- Về việc kiểm tra việc giao nộp chứng cứ: Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; Bản sao các tài liệu gồm: Sổ hộ khẩu

gia đình, Chứng minh nhân dân của Hà Văn Văn Cường, Căn cước công dân Lê Thị L, Giấy khai sinh Hà Thu T, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của chị Lê Thị L. Nguyên đơn không có ý kiến gì về các tài liệu tòa án công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hà Văn C có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua trình bày của đương sự và kết quả xác minh thu thập chứng cứ cho thấy, hiện nay vợ chồng chị L và anh C đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị L, anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Hà Văn C.

- Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Hà Văn C có một con chung là Hà Thu T, sinh ngày 01/7/2005. Xét thấy cháu Trang hiện đang ở cùng với chị L và anh C và có nguyện vọng được ở với mẹ, chị cũng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, anh C không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì về việc giao người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Do vậy, HĐXX xét thấy, giao con chung là Hà Thu T cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con sau ly hôn là phù hợp. Anh Hà Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L không yêu cầu. Anh Hà Văn C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng chị L, anh C và trình bày của chị L, xác định chị L và anh C không có nhà đất chung, về tài sản khác có đồ dùng sinh hoạt và xe máy nhưng chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nhưng không có căn cứ xác định chị L và anh C có vay nợ chung, không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung của chị L và anh C, chị L và anh C đều khai vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết về vay nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về án phí, chị L không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Lê Thị L phải chịu toàn bộ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị L đã nộp trong vụ án này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí của vụ án, anh Hà Văn C không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị L ly hôn anh Hà Văn C.

2. Giao con chung là Hà Thu T, sinh ngày 01/7/2005 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn. Anh Hà Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do hiện tại chị Lê Thị L không yêu cầu.

Anh Hà Văn C và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000258 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị Lê Thị L đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tân – Lê Thị Thảo

Vương Thị Lan

